



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 028.38442414 – Fax : 028.38442387
Email : southernseed@ssc.con.vn



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

TT	Danh mục tài liệu
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2021.
2	Báo cáo của HĐQT năm 2021.
3	Báo cáo Ban Điều hành năm 2021.
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021.
5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
6	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2021.
7	Tờ trình quyết toán chi trả thù lao của HĐQT & BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2022.
8	Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 & dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2022.
9	Tờ trình ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022.
10	Báo cáo Tài chính năm 2021 (trích tóm tắt).



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38442414 – Fax: 028.38442387
Email: southernseed@ssc.com.vn



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 (ngày 22/4/2022)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	8:00 – 8:30	- Đăng ký cổ đông, tiếp đón khách mời.	Ban Tổ chức
		- Khai mạc (báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự, giới thiệu khách mời, chương trình Đại hội; đề cử Chủ tọa đoàn, Thư ký).	Ban Tổ chức
2	8:30 – 9:30	- Báo cáo HĐQT năm 2021.	Trần Kim Liên CT.HĐQT
		- Báo cáo Ban Điều hành năm 2021 & kế hoạch SXKD năm 2022. - Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2021.	Nguyễn Đình Nam TGD Phan Thế Tỷ TBKS
3	9:30 – 10:30	1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. 2. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2021. 3. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 & phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2022. 4. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD, dự kiến cổ tức năm 2022. 5. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022. 6. Thảo luận & biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ.	Lâm Tuấn Lạc KTT Công ty Ban Kiểm phiếu
4	10:30 – 10:45	Nghỉ giải lao (15') Ban Kiểm phiếu làm việc	
6	10:45 – 11:00	- Công bố kết quả biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ. - Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021.	Chủ tọa đoàn
7	Từ 11:00	- Bế mạc ĐHĐCĐ.	Ban Tổ chức

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 & ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Phiên họp

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi	Tỷ lệ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
2	Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
3	Ông Nguyễn Đình Nam	TV HĐQT	5/5	100%
4	Ông Bùi Quang Sơn	TV HĐQT	5/5	100%
5	Ông Dương Quang Sáu	TV HĐQT	5/5	100%

2. Nghị quyết

TT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	08/01/2021	- Thông qua kết quả kinh doanh thực hiện năm 2020.
			- Tiếp tục tái cấu trúc tổ chức chuyển đổi mục tiêu hoạt động của Chi nhánh miền Trung tập trung vào hoạt động kinh doanh rau.
			- Triển khai hoàn tất các thủ tục gia hạn thuê đất tại các Chi nhánh hết hạn thuê.
2	02/NQ-HĐQT	08/01/2021	Thông qua phê duyệt cải tạo lắp đặt hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi tại Nhà máy Chi nhánh Cờ Đỏ.
3	03/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua điều chỉnh bổ sung tổng dự toán Dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa tại Chi nhánh Cờ Đỏ.
4	04/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua Phê duyệt kết quả đấu thầu & Chọn nhà thầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Lúa Cờ Đỏ: Gói thầu: Xây dựng khu văn phòng và thiết bị.
5	05/NQ-HĐQT	25/02/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
6	06/NQ-HĐQT	15/3/2021	Thông qua việc chuyển cổ phiếu SSC niêm yết từ sàn giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX) sang sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
7	07/NQ-HĐQT	08/4/2021	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2021.

TT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
8	08/NQ-HĐQT	08/4/2021	Thông quá Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
			Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2020.
			Quyết toán chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2020.
			Thông qua Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021.
			Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021.
			Kế hoạch cổ tức năm 2021.
			Kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021.
Thông qua đề xuất lựa chọn một trong các công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2021.			
9	09/NQ-HĐQT	24/5/2021	Thông qua kiện toàn nhân sự cán bộ quản lý Công ty để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và chiến lược kinh doanh 2021 – 2023.
10	10/NQ-HĐQT	24/5/2021	- Thông qua Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021.
			- Xem xét điều kiện theo quy định để SSC đảm bảo điều kiện hoạt động của Công ty đại chúng.
10	10/NQ-HĐQT	24/5/2021	- Tăng cường triển khai công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương & hướng dẫn của Tập đoàn PAN, Tập đoàn Vinaseed để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, CBNV an tâm làm việc.
11	11/NQ-HĐQT	08/6/2021	Thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2020 bằng tiền.
12	12/NQ-HĐQT	09/7/2021	Thông qua phê duyệt lựa chọn đơn vị thiết kế, thi công Trạm biến áp 160 KVA thuộc dự án: Cải tạo, xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cờ Đỏ.
13	13/NQ-HĐQT	11/10/2021	- Thông qua mục tiêu dự kiến doanh thu, lợi nhuận cả năm 2021.
			- HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tập trung thúc đẩy tiến độ gia hạn đất Chi nhánh. - HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành báo cáo tiến độ thực hiện Dự án 282 Lê Văn Sỹ.

3. Chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng Giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2021.

- ✓ Phương thức giám sát:
 - Giám sát thông qua các báo cáo tại phiên họp HĐQT (trong năm 2021, các phiên họp HĐQT chủ yếu thông qua họp trực tuyến).
 - Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các phương án đầu tư, kinh doanh.
 - Năm 2021 - HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp, các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của BKS, Ban TGD đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban Điều hành triển khai; ngoài ra, HĐQT cũng đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 13 nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

Hoạt động giám sát:

- + Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- + Chủ trì thành công ĐHĐCĐ thường niên 23/04/2021.
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý, bán niên, BCTC năm 2021 và BCTN.
- + Giám sát thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK, Sở GDCK TP.HCM, Sở GDCK TP.Hà Nội.
- + Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành nâng cao hiệu quả đầu tư, SXKD, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong điều hành.

Kết quả giám sát: Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban điều hành:

- ✓ Đã nỗ lực rất lớn trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong hoàn cảnh dịch Covid ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của Công ty.
- ✓ Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị.

4. Hoạt động của Tiểu ban HĐQT:

- ✓ *Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng:*
 - Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2021.
 - Thảo luận quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 & phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Tiền lương Tổng Giám đốc.
 - Thảo luận kiện toàn nhân sự cán bộ quản lý Công ty.
 - Thảo luận nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tiếp tục nhiệm kỳ 2020 -2025.
 - Thảo luận đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của SSC.
 - Thảo luận về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020.
- ✓ *Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư:*
 - Thảo luận xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
 - Chỉ đạo xây dựng Chiến lược kinh doanh 2022-2026.
 - Giám sát việc thi công Dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa tại Chi nhánh Cờ Đỏ.
 - Thảo luận và giám sát việc chuyển cổ phiếu SSC từ sàn giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX) sang sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
 - Định hướng hoạt động kinh doanh khu vực miền Trung của SSC cho phù hợp trong chiến lược chung của Tập đoàn.
 - Định hướng xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất phù hợp với các công ty thành viên trong chiến lược chung của Tập đoàn.
 - Kế hoạch chuyển đổi số của SSC theo Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn.
 - Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021, giám sát Dự án Đầu tư Trung tâm Nghiên cứu lúa tại CN Cờ Đỏ. Giám sát và hỗ trợ các hoạt động đầu tư.
- ✓ *Tiểu ban Khoa học và Công nghệ:*
 - Thảo luận các hợp đồng mua bản quyền với Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, hợp đồng mua bản quyền với Trung tâm Giống cây trồng Bình Thuận, Trung tâm Giống Quảng Ngãi.
 - Thảo luận định hướng chiến lược và giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hạt giống bắp nếp, rau màu, đậu, vật tư nông nghiệp.
 - Thảo luận việc mua sắm hệ thống dây chuyền công nghệ, thiết bị máy móc cho Chi nhánh Cờ Đỏ.
 - Hỗ trợ thông tin KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế.

PHẦN II

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

A. TỔNG QUAN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2021

❖ Thuận lợi:

+ Chính phủ và Bộ NN&PTNT quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung nguồn lực đầu tư toàn xã hội góp phần đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp;

+ Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt 2,58%, trong đó ngành nông nghiệp tăng trưởng đạt 2,90%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế.

+ Giá lúa lương thực ổn định kích thích sản xuất trong nước.

❖ Khó khăn:

- Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, giao thương, nhu cầu nhiều mặt hàng nông sản bị giảm sút.

- Tác động biến đổi khí hậu, sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do đầu năm hạn hán, xâm nhập mặn, cuối năm mưa bão, lũ lụt trên diện rộng, thời vụ muộn:

✓ Giá cả vật tư, công lao động tăng, giá nông sản biến động ảnh hưởng đến tâm lý người dân -> chuyển đổi cơ cấu cây trồng, biến động diện tích gieo trồng.

✓ Biến đổi khí hậu làm mưa kéo dài hơn mọi năm, gây ảnh hưởng đến vùng sản xuất bắp giống.

✓ Thị trường xuất khẩu trọng điểm bắp - Lào, Campuchia hạn hán kéo dài, diện tích sụt giảm mạnh.

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid: Các biện pháp cách ly, phong tỏa, đóng biên làm đứt gãy chuỗi cung ứng – tiêu thụ. Hoạt động triển khai sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ bán hàng, xuất nhập khẩu bị hạn chế.

- Sức mua thấp: Hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá nông sản giảm mạnh dẫn đến sản xuất đình trệ.

- Xu hướng chuyển dịch diện tích đất lúa sang khu đô thị, KCN diễn ra mạnh mẽ.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Kết quả kinh doanh năm 2021:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	266.473	310.442	450.502	116,50%	68,91%
Chênh lệch giá	Trđ	92.155	109.043	101.392	118,33%	107,55%
Chi phí BH	Trđ	15.988	28.306	26.823	177,04%	105,53%
CFBH/DT	%	6,00%	9,12%	5,95%	151,97%	153,14%
Chi phí QL	Trđ	26.647	30.113	30.090	113,01%	100,08%
CFQL/DT	%	10,00%	9,70%	6,68%	97,00%	145,23%
Lợi nhuận trước thuế (riêng SSC)	Trđ	49.519	56.011	50.937	113,11%	109,96%
Lợi nhuận sau thuế (riêng SSC)	Trđ	39.616	44.547	40.080	112,45%	111,14%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất VNR)	Trđ	58.516	54.447	40.080	93,05%	135,84%
ROS (LN/DT)	%	14,87%	14,35%	8,90%	96,52%	161,29%
Tổng tài sản	Trđ	-	514.432	482.411	-	106,64%
ROA	%	-	10,58%	8,31%	-	127,39%
Vốn CSH	Trđ	-	373.631	342.590	-	109,06%

ROE	%	-	14,57%	11,70%	-	124,56%
Chi phí lãi vay	Trđ	-	-	99	-	-
EBIT	Trđ	59.419	65.911	51.036	110,93%	129,15%
Khấu hao	Trđ	9.964	9.964	11.662	100,00%	85,44%
EBITDA	Trđ	69.383	75.875	62.698	109,36%	121,02%
EPS	Đ/cp	-	3.774	2.778	-	135,85%

2. Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021: 15,833 tỷ đồng. Bao gồm:

(Đvt: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt	Tiến độ thực hiện 2021	Ghi chú
1	Chi nhánh Cờ Đỏ:	32.047	15.503	Đang thực hiện
	Bao gồm:			
	+ Xây dựng Trung tâm nghiên cứu Lúa.	20.000	-	-
	+ Hệ thống chế biến giống công suất 15 tấn/h.	10.000	-	-
	+ Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi.	2.047	-	-
2	Chi nhánh Phú Giáo: (Cải tạo hệ thống tưới tiêu, máy móc thiết bị).	1.157	-	Chưa thực hiện
3	NM Chế biến hạt giống Rau: (mua máy đóng gói).	330	330	Đã hoàn tất
TỔNG CỘNG		33.533	15.833	

Các dự án, công trình triển khai theo đúng quy định luật đầu tư, xây dựng. Công trình thi công đảm bảo chất lượng.

3. Chi trả cổ tức trong năm 2021:

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2021, SSC đã chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 20%.

4. Quản trị doanh nghiệp:

- Tái cấu trúc tổ chức, nhân sự Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động: Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, nhân sự cho phù hợp với quy mô thị trường, sản phẩm.
- Tập trung đổi mới, cải tiến hệ thống quy chế (ban hành mới, sửa đổi bổ sung Quy chế kỹ thuật Sản xuất, Quy chế Quản lý chất lượng, Quy chế khoán sản xuất giống trong đất Chi nhánh). Các quy chế, quy định có sự tham khảo, kế thừa giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn Vinaseed.
- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được quan tâm;
- Triển khai đồng bộ tin học hóa trong công tác quản trị, áp dụng rộng rãi hình thức họp trực tuyến phù hợp trong điều kiện bối cảnh dịch bệnh Covid 19 làm thay đổi phương thức họp trực tiếp.

5. Đánh giá chung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2020:

❖ Trong điều kiện năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn về dịch bệnh Covid 19, thiên tai, khó khăn về thị trường & sản phẩm. SSC đã tận dụng mọi cơ hội và hoàn thành kế hoạch Kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao:

❖ Thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế, thực thi đúng chức năng, phân cấp quản trị.

- Doanh thu: **310,4** tỷ đồng, bằng 116% Kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: **54,4** tỷ đồng, bằng 110% Kế hoạch.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Mục tiêu Kinh doanh năm 2022:

(ĐVT : triệu đồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ % 2022/2021
1. Khối lượng	Tấn	14.037	12.535	112%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	372.831	310.442	120%
3. Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	134.985	109.043	124%
4. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.011	56.011	118%
5. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	52.809	44.547	119%
6. Lợi nhuận được chia từ Vinarice (10% vốn góp từ Vinarice)	Triệu đồng	9.900	9.900	100%
7. Tổng Lợi nhuận hợp nhất	Triệu đồng	62.709	54.447	115%

Năm 2022, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên kết quả thực hiện của năm 2021 và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế tăng 15% so với năm 2021.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2022

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2022	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ	600.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	KH 2021 chuyển qua
1	Nội thất văn phòng.	400.000.000		
2	Cây xanh.	200.000.000		
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	13.715.572.190	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/giờ - CN Cờ Đỏ.	10.000.000.000		KH 2021 chuyển qua
2	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ.	1.049.793.300		KH 2021 chuyển qua
3	Chi phí sửa chữa lớn.	2.665.778.890		
III	Chi nhánh Phú Giáo	1.835.400.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động (Nhà ở quy cách 10 phòng kích thước 4m x 4m x 10 = 160 m ²) - Nhà móng BTCT, xây tường gạch ống, mái lợp tole.	560.000.000		
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động chung (kích thước 4m x 6m = 24 m ²).	84.000.000		
3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4 (5m*10m), giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới dung lượng 1400 m ³ , bạt HDPE 0.75mm lót hồ diện tích 1100m ² .	336.000.000		
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha) + Nhà điều hành, giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE.	720.000.000		KH 2021 chuyển qua, có điều

				chính
5	Hàng rào lưới B40 3mm khô 1,5 m dài 2258 m.	135.400.000		
IV	Chi nhánh Củ Chi	1.100.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	1.100.000.000		
V	Chi nhánh Miền Trung	1.165.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	400.000.000		
2	Xe ô tô bán tải.	765.000.000		
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Máy Coating hạt giống.	700.000.000		
VII	Trụ sở công ty	3.057.196.000	Vốn tự có/ Vốn vay	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng.	550.000,000		
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS).	950,000,000		
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống FPT SPRO).	792,196,000		
4	Xe ô tô bán tải.	765,000,000		
TỔNG CỘNG		22,173,168,190		

3. Mục tiêu quản trị:

- Hoàn thiện Chiến lược kinh doanh 2022–2026.
- Tăng trưởng sản phẩm chủ lực (bắp, rau, đậu) có tỷ suất lợi nhuận cao, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân 20%.
- Triển khai áp dụng chuyển đổi số, số hóa các dữ liệu trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp để tiết kiệm chi phí, giảm thiểu rủi ro.
- Kiểm soát các chi phí hoạt động.
- Hoàn thiện đồng bộ quy chế, tăng cường kiểm soát chấp hành quy chế. Xử nghiêm các trường hợp vi phạm.

Trân trọng báo cáo!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Tình hình Kinh tế - Xã hội

- Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, giao thương, nhu cầu nhiều mặt hàng nông sản bị giảm sút.
- Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt 2,58%, trong đó ngành nông nghiệp tăng trưởng đạt 2,90%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế.
- Giá cả vật tư, công lao động tăng, giá nông sản biến động ảnh hưởng đến tâm lý người dân và đã làm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, biến động diện tích gieo trồng.
- Biến đổi khí hậu làm mưa kéo dài hơn mọi năm, gây ảnh hưởng đến vùng sản xuất bắp giống.

a. Thuận lợi:

- Thương hiệu SSC đã được nông dân và đại lý đánh giá cao.
- Sản phẩm được nông dân và đại lý ủng hộ, tin dùng;
- Tình hình dịch bệnh đã thúc đẩy đến sự thay đổi về hành vi mua sắm tiêu dùng;
- Được sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự hợp tác của các đại diện sản xuất và sự đồng lòng của toàn bộ cán bộ nhân viên.

b. Khó khăn:

- Dịch bệnh Covid 19 tác động đến công tác triển khai sản xuất, trình diễn hội thảo giống mới, xúc tiến bán hàng, cũng như khó khăn trong lưu thông hàng hóa ảnh hưởng đến việc tiêu thụ nông sản và vận chuyển giống đến khách hàng.
- Cạnh tranh với các Tập đoàn nước ngoài về vùng nguyên liệu, đặc biệt là bắp giống làm giá nguyên liệu ngày càng cao.
- Vùng nguyên liệu sản xuất bắp ngày càng bị thu hẹp.
- Thiếu sản phẩm mới chủ lực về bắp nếp và rau màu.
- Giá nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào tăng làm cho chi phí sản xuất tăng cao.
- Nhân công khan hiếm, già hóa, năng suất lao động giảm, đơn giá lao động cao.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	266.473	310.442	450.502	116,50%	68,91%
Chênh lệch giá	Trđ	92.155	109.043	101.392	118,33%	107,55%
Chi phí BH	Trđ	15.988	28.306	26.823	177,04%	105,53%
CFBH/DT	%	6,00%	9,12%	5,95%	151,97%	153,14%
Chi phí QL	Trđ	26.647	30.113	30.090	113,01%	100,08%
CFQL/DT	%	10,00%	9,70%	6,68%	97,00%	145,23%

Lợi nhuận trước thuế (riêng SSC)	Trđ	49.519	56.011	50.937	113,11%	109,96%
Lợi nhuận sau thuế (riêng SSC)	Trđ	39.616	44.547	40.080	112,45%	111,14%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất VNR)	Trđ	58.516	54.447	40.080	93,05%	135,84%
ROS (LN/DT)	%	14,87%	14,35%	8,90%	96,52%	161,29%
Tổng tài sản	Trđ	-	514.432	482.411	-	106,64%
ROA	%	-	10,58%	8,31%	-	127,39%
Vốn CSH	Trđ	-	373.631	342.590	-	109,06%
ROE	%	-	14,57%	11,70%	-	124,56%
Chi phí lãi vay	Trđ	-	-	99	-	-
EBIT	Trđ	59.419	65.911	51.036	110,93%	129,15%
Khấu hao	Trđ	9.964	9.964	11.662	100,00%	85,44%
EBITDA	Trđ	69.383	75.875	62.698	109,36%	121,02%
EPS	Đ/cp	-	3.774	2.778	-	135,85%

✓ **ĐIỂM LÀM ĐƯỢC:**

1. Phát triển được vùng lúa mới, chất lượng cao ở vùng Nam Trung Bộ.
2. Khai thác tối đa kênh phân phối chính quyền để quảng bá và nhân rộng mô hình ra kênh bán hàng truyền thống, đặc biệt nhóm lúa.
3. Bước đầu xây dựng được mạng lưới thương lái, kênh cấp 2 cho nhóm rau màu chủ lực.
4. Chủ động tiếp cận thị trường, xúc tiến marketing - bán hàng, linh hoạt trong điều kiện dịch bệnh.
5. Bám sát mục tiêu kinh doanh, chủ động luân chuyển bán hàng, kiểm soát khá tốt hàng tồn kho và điều phối hàng hóa.
6. Chủ động khai thác sản phẩm rau màu mới.
7. Công tác phát triển sản phẩm có tập trung, chọn lọc theo sản phẩm chiến lược.
8. Tranh thủ liên kết với các Trung tâm nghiên cứu, Viện, Trường để khảo nghiệm đánh giá sản phẩm mới.

✓ **ĐIỂM TỒN TẠI:**

1. Công tác lập kế hoạch kinh doanh và PTSP chưa sát tình hình thị trường;
2. Công tác triển khai trình diễn hội thảo, phát triển sản phẩm còn yếu, lực lượng cán bộ mỏng;
3. Kỹ năng đánh giá sản phẩm và thuyết phục khách hàng còn yếu;
4. Thiếu chủ động đề xuất giải pháp kịp thời, đặc biệt là chi nhánh Campuchia;
5. Mạng lưới phân phối và hệ thống thương lái có cải thiện nhưng chưa đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu thị trường;
6. Chính sách bán hàng, công nợ, chính sách thương lái chưa linh hoạt;
7. Chưa phát triển được sản phẩm rau màu chủ lực cho từng vùng thị trường;
8. Thiếu cơ chế để khuyến khích phát triển sản phẩm mới;
9. Chưa xây dựng được mạng lưới nông dân chủ lực.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2021	2020	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2021
1	Tài sản ngắn hạn	324.658	294.578	110,21%	63%
2	Tài sản dài hạn	189.774	187.833	101,03%	37%
	Tổng tài sản	514.432	482.411	-	100%

Tổng tài sản Công ty năm 2021 tuy tăng so với năm 2020 nhưng không đáng kể. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tăng 110,21% đạt 30.080 triệu đồng chủ yếu do hàng tồn kho của Công ty tăng, các khoản phải thu khác tăng. Tài sản dài hạn tăng 101,03% đạt 1.941 triệu đồng chiếm tỷ trọng 37% trong cơ cấu tài sản Công ty năm 2021.

b. Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2021	2020	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	140.801	139.821	100,70%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng nợ	140.801	139.821	100,70%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, Công ty không sử dụng nợ dài hạn trong cả hai năm 2020 và 2021. Khoản mục nợ ngắn hạn tăng tương đương 0,70% đạt 979 triệu đồng, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất khoản mục phải trả ngắn hạn khác chiếm 72% chủ yếu liên quan đến khoản phải trả dự án Khu đất Lê Văn Sỹ.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2021	2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,31	2,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,02	1,84
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	27,37%	28,98%
2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	37,68%	40,81%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	5,05	9,40
2	Doanh thu thuần / Tổng tài sản (bình quân)	Lần	0,60	0,93
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	17,54%	8,90%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	14,57%	11,70%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (bình quân)	%	10,58%	8,31%
4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	20,30%	10,88%

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2021, những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý mà Công ty đã đạt được như sau:

a. Cơ cấu tổ chức:

– Sắp xếp, định biên lại lao động các đơn vị, bổ nhiệm thay đổi cán bộ quản lý đáp ứng theo yêu cầu phát triển Công ty.

b. Công tác quản lý Công ty:

- Hệ thống quy chế được ban hành thống nhất và đầy đủ.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng quản lý cho cán bộ cấp trung.
- Xây dựng bổ sung định mức khoán sản xuất; kiểm soát chi phí giá thành sản xuất.

- Chính sách hoạt động: Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, cơ bản kiểm soát được giá thành sản xuất.

5. Về công tác quản trị

a. Quản lý chi phí

- Định mức chi phí dịch vụ vận chuyển (thu mua, kinh doanh).
- Kiểm soát thông tin giá nông sản để quyết định giá mua hợp lý.
- Sử dụng hiệu quả vòng quay hàng hóa, lưu kho, kho thuê.

b. Chế biến bảo quản - QLCL

- Nhân viên QLCL cùng với NVSX kiểm soát chất lượng thu hoạch tại đồng ruộng.
- Định mức khoán nhân công trong từng phân đoạn trong chế biến bảo quản (cho từng đơn vị).

c. Công tác sản xuất

- Xây dựng vùng nguyên liệu gần nhà máy.
- Có chính sách phù hợp với từng vùng nguyên liệu và quy trình thanh toán nhanh gọn để giữ địa bàn sản xuất.
- Tăng cường giám sát, ngăn ngừa việc sử dụng chất kích thích trong sản xuất hạt giống.

d. Kinh doanh

- Tập trung nguồn lực, phát triển các sản phẩm chủ lực mang lại hiệu quả cao tại các vùng thị trường trọng điểm.
- Thay đổi cách thức quảng bá, trình diễn hội thảo sản phẩm chủ lực theo hướng tiếp cận các nông dân “key” và sử dụng công nghệ số.
- Mở rộng và phát triển các kênh tiêu thụ hạt giống rau màu (Đại lý, thương lái, HTX,...) và các đơn vị tham gia chuỗi cung ứng rau màu.

e. Quản trị

- Xây dựng các dự toán định mức các hạng mục chi phí về lương, khấu hao và công cụ dụng cụ.
- Tập trung vào việc xin gia hạn thời gian thuê đất tại các đơn vị/Chi nhánh.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, đặc biệt là khối sản xuất và khối quản lý chất lượng.
- Đề cao tính chủ động, trách nhiệm của các Trưởng đơn vị để giải quyết các công việc của đơn vị mình.

6. Kết quả Đầu tư, xây dựng cơ bản:

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư và XDCB và sửa chữa lớn năm 2021 như sau:

- Tổng kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021 là **33,5 tỷ đồng**, tổng giá trị trúng thầu được phê duyệt là 20,6 tỷ đồng. Năm 2021 đã thực hiện được 15,8 tỷ đồng đạt 48% so với kế hoạch và đã tạm ứng cho nhà thầu 77% so với giá trị phê duyệt trúng thầu, giá trị thực hiện còn lại của dự án đã phê duyệt trúng thầu hiện đang trong quá trình nghiệm thu thanh quyết toán.
- Các dự án chưa thực hiện trong năm 2021 sẽ chuyển sang KH 2022 như:
 - Nội thất văn phòng, cây xanh (cảnh quan) tại dự án Trung Tâm Nghiên Cứu,
 - Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/giờ, hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi tại CN Cờ Đỏ,
 - Hệ thống tưới và hồ chứa nước tại CN Phú Giáo.

(Đvt: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt	Tiến độ thực hiện 2021	Ghi chú
1	Chi nhánh Cờ Đỏ:	32.047	15.503	Đang thực hiện
	Bao gồm:			
	+ Xây dựng Trung tâm nghiên cứu Lúa.	20.000	-	-
	+ Hệ thống chế biến giống công suất 15 tấn/h.	10.000	-	-
	+ Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi.	2.047	-	-
2	Chi nhánh Phú Giáo: (Cải tạo hệ thống tưới tiêu, máy móc thiết bị).	1.157	-	Chưa thực hiện

3	NM Chế biến hạt giống Rau: (Mua máy đóng gói).	330	330	Đã hoàn tất
TỔNG CỘNG		33.533	15.833	

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2022

1. Kế hoạch kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ % 2022/2021
1. Khối lượng	Tấn	14.037	12.535	112%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	372.831	310.442	120%
3. Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	134.985	109.043	124%
4. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.011	56.011	118%
5. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	52.809	44.547	119%
6. Lợi nhuận được chia từ Vinarice (10% vốn góp từ Vinarice)	Triệu đồng	9.900	9.900	100%
7. Tổng Lợi nhuận hợp nhất	Triệu đồng	62.709	54.447	115%

Năm 2022, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên kết quả thực hiện của năm 2021 và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế tăng 15% so với năm 2021.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2022:

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2022	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ	600.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	KH 2021 chuyển qua
1	Nội thất văn phòng.	400.000.000		
2	Cây xanh.	200.000.000		
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	13.715.572.190	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/giờ - CN Cờ Đỏ.	10.000.000.000		KH 2021 chuyển qua
2	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ.	1.049.793.300		KH 2021 chuyển qua
3	Chi phí sửa chữa lớn.	2.665.778.890		
III	Chi nhánh Phú Giáo	1.835.400.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động (Nhà ở quy cách 10 phòng kích thước 4m x 4m x 10 = 160 m ²) - Nhà móng BTCT, xây tường gạch ống, mái lợp tole.	560.000.000		
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động chung (kích thước 4m x 6m = 24 m ²).	84.000.000		
3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4 (5m*10m), giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới dung lượng 1400 m ³ , bạt HDPE 0.75mm lót hồ diện tích 1100m ² .	336.000.000		
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha) + Nhà điều hành,	720.000.000		KH 2021 chuyển qua,

	giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE.			có điều chỉnh
5	Hàng rào lưới B40 3mm khổ 1,5 m dài 2258 m.	135.400.000		
IV	Chi nhánh Củ Chi	1.100.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	1.100.000.000		
V	Chi nhánh Miền Trung	1.165.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	400.000.000		
2	Xe ô tô bán tải.	765.000.000		
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Máy Coating hạt giống.	700.000.000		
VII	Trụ sở công ty	3.057.196.000	Vốn tự có/ Vốn vay	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng.	550.000,000		
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS).	950,000,000		
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống FPT SPRO).	792,196,000		
4	Xe ô tô bán tải.	765,000,000		
TỔNG CỘNG		22,173,168,190		

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Công tác kinh doanh

✓ Nhóm lúa thuần:

- Duy trì sản phẩm bản quyền từ 80% trở lên của chiến lược để đảm bảo lợi nhuận.
- Dự báo tốt thị trường để điều chỉnh cơ cấu phù hợp cho SXKD.
- Linh hoạt chính sách bán hàng để thu hút khách hàng tập trung tiêu thụ.
- Phối hợp với đại lý, công ty thu mua nông sản, tổ chức hội thảo để giới thiệu các giống lúa Đài Thơm 8, Hương Châu 6 và Thiên Châu 6.
- Chăm sóc khách hàng chiến lược.

✓ Nhóm lúa lai:

- Đảm bảo lượng giống KC06-1 cho đối tác xuất Philippine.
- HR182, KC06-1 tiêu thụ tốt ở Bán đảo Cà Mau trên vùng đất lúa tôm.

✓ Bắp vàng:

- Tăng cường công tác marketing cho thị trường Campuchia.
- Quảng bá bắp sinh khối SSC 586 cho các trang trại chăn nuôi bò.

✓ Bắp nếp:

- Quảng bá CX247 Super; MX10 New, Max 68.
- Linh hoạt chính sách bán hàng MX4, MX6, MX10.

✓ Nhóm rau - đậu:

- Xây dựng mạng lưới Khảo nghiệm sản phẩm và tăng cường Hội thảo đầu bờ để nhanh chóng đa dạng danh mục sản phẩm Hạt giống Rau;
- Sản phẩm đã kinh doanh: Tiếp tục giải phóng tồn kho trong năm 2022 và không sản xuất mới;
- Phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu của Tập đoàn (VRDC) để đưa ra các giống mới phù hợp thị hiếu, nhằm tăng sản phẩm kinh doanh.
- Đậu xanh 208 linh hoạt chính sách để dẫn dắt thị trường phía Nam và Campuchia.

b. Công tác sản xuất

- Điều chỉnh quy trình kỹ thuật, tổ chức hội thảo giới thiệu tính an toàn khi triển khai sản xuất bắp gieo tháng 12 và ưu thế của giống SSC.
- Tăng cường huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và khả năng dự báo, dự đoán rủi ro, cũng như sự năng động, linh hoạt.
- Củng cố và khai thác hiệu quả nguồn lực của CN Phú Giáo; CN Lâm Hà, thông qua quy hoạch cải tạo đất và đầu tư công nghệ canh tác mới hiệu quả hơn.
- Quan tâm hơn đến chất lượng và cách xử lý hạt giống gốc/giống bố mẹ trước khi xuất cho sản xuất.
- Cải tiến phương thức, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng công lao động tại các chi nhánh.

c. Công tác QLCL - CBBQ

- Phối hợp với các đơn vị sản xuất kiểm soát chất lượng thu mua tại đồng ruộng.
- Kiểm tra kiểm soát và báo cáo tính tuân thủ các quy trình quy định trong chế biến, bảo quản tại các đơn vị.
- Thường xuyên rà soát quy định, quy trình, hệ thống tài liệu, biểu mẫu để cải tiến kịp thời biểu mẫu dữ liệu đầy đủ các công đoạn giúp xử lý số liệu nhanh, cảnh báo kịp thời rủi ro các lô giống bất thường.
- Chấn chỉnh lại công tác phòng chống mọt tại các đơn vị.
- Thường xuyên tập huấn, đào tạo nội bộ để nâng cao tay nghề công nhân, nhân viên giúp công tác hỗ trợ tốt hơn khi vào giai đoạn cao điểm.

d. Công tác Quản trị

- Xây dựng chuyển đổi số hoá mô hình quản trị theo định hướng của Tập đoàn Vinaseed.
- Truyền thông và tập huấn rõ ràng cho các đơn vị nắm và tuân thủ các quy chế, quy định của Công ty;
- Xây dựng, kiểm soát định mức phân bổ các hạng mục chi phí về lương, khấu hao, công cụ dụng cụ, nhân công,....
- Cập nhật kịp thời và tuân thủ các qui định của pháp luật về thuế và kế toán;
- Cập nhật hệ thống dữ liệu để phục vụ báo cáo quản trị;
- Tập trung vào công tác gia hạn thủ tục thuê đất tại các Chi nhánh/đơn vị.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa, tăng cường công tác quản trị và đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT **TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Ban Kiểm soát trình trước Đại hội cổ đông Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động, tình hình thực hiện và tuân thủ Nghị quyết; điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước năm 2021.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ BKS theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, năm 2021, BKS đã tiến hành hợp và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và giám sát việc tuân thủ điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc.

Các hoạt động kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Kiểm tra tính trung thực, hợp pháp, hợp lý và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành và hoạt động đầu tư; tính nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
2. Kiểm tra việc ban hành, tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty trong hoạt động sản xuất, chế biến bảo quản, kinh doanh.
3. Rà soát kiểm tra, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro.
4. Xem xét hồ sơ chứng từ, sổ kế toán, việc ghi chép kế toán và các tài liệu khác; phỏng vấn các cán bộ quản lý, người lao động trực tiếp trong quá trình làm việc của BKS.
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm của Công ty.

Trong năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu kiểm tra bất thường nào đối với hoạt động của Công ty.

Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Ngày từ nhiệm	Tham dự	Tỷ lệ
Phan Thế Tý	Trưởng BKS	25/4/2015	3	100.00%
Nguyễn Thị Thanh Hà	TV BKS	25/6/2020	3	100.00%
Lương Mai Phương	TV BKS	25/6/2020 đến ngày 23/4/2021	1	33,33%
Văn Thị Ngọc Ánh	TV BKS	23/4/2021	2	66,67%

Các biên bản họp Ban Kiểm soát

01	BKS2020-02	05/04/2021	Tổng kết làm việc định kỳ 6 tháng cuối năm 2020, thống nhất báo cáo của BKS với HĐQT, Ban TGD và trình ĐH cổ đông thường niên.
02	BKS2021-01	17/02/2022	Thống nhất báo cáo kết quả làm việc của BKS với HĐQT và Ban TGD.
03	BKS2021-02	25/03/2022	Tổng kết công tác hoạt động của Ban năm 2021; thống nhất báo cáo của BKS với HĐQT, Ban TGD và trình ĐH cổ đông thường niên.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Ghi chú
1	Khối lượng	Tấn	10,311	12,535	121.57%	
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	266,473	310,442	116.50%	
3	Lãi gộp	Triệu đồng	92,155	109,043	118.33%	
4	Lãi trước thuế	Triệu đồng	49,519	56,011	113.11%	
5	Lãi sau thuế (riêng)	Triệu đồng	39,616	44,547	112.45%	
6	Lãi sau thuế hợp nhất	Triệu đồng	58,516	54,447	93.05%	Cô tức nhận được 10% trên KH 30% từ Vinarice

Năm 2021, Công ty thực hiện hoàn thành tốt mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 giao.

2. Hoạt động đầu tư và đầu tư xây dựng cơ bản 2021.

- Công tác đầu tư XDCB (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa), mua sắm thiết bị được thực hiện đúng quy định của Công ty và pháp luật, hồ sơ rõ ràng, chất lượng tài sản đảm bảo đúng hợp đồng đã ký với nhà thầu; các hạng mục công trình đầu tư năm như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Đơn vị/Hạng mục	Kế hoạch phê duyệt	Thực hiện	Tiến độ/KH	Ghi chú
1	CN Cờ Đỏ: Trung tâm nghiên cứu lúa	32,047	15,500	48,37%	
1.1	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu lúa	20,000	14,800	74,00%	
1.2	Hệ thống chế biến giống 15 tấn/giờ	10,000	-	-	
1.3	Hệ thống nhập liệu lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa	2,047	700	34,20%	
2	CN Phú Giáo: Cải tạo hệ thống tưới tiêu + máy móc thiết bị	1,157	0	-	chưa thực hiện
3	CTVS: Máy đóng gói hạt giống	330	330	100,00%	
Cộng		33,534	15,830	47,21%	

3. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2021	2020
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,31	2,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,02	1,84
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,37%	28,98%
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37,68%	40,81%
5	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,54%	8,90%
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,57%	11,70%
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,58%	8,31%
8	Lợi nhuận sau thuế của 1 cổ phiếu (EPS)	đồng	3.774	2.778

4. Công tác hạch toán kế toán và báo cáo tài chính

- Công tác hạch toán kế toán được thực hiện thống nhất phù hợp với chế độ, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Điều lệ Công ty, báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài Chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực và đầy đủ các chỉ tiêu tài chính.

5. Sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban Điều hành

- Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS, BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trên tinh thần hợp tác, trách nhiệm với Công ty;
- Ban Kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban Điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, phòng chức năng về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý. Các giải pháp đề xuất của BKS đưa ra được HĐQT, Ban Điều hành ghi nhận và có nhiều đổi mới, cải tiến trong quản trị doanh nghiệp.
- Phối hợp chặt chẽ trong công tác xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thực hiện thảo luận cùng kiểm toán viên trong quá trình làm việc đúng quy định điều lệ Công ty, cũng như Quy chế quản trị Công ty về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT.

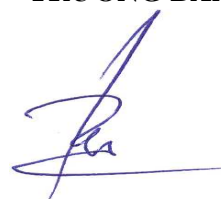
6. Kết luận và kiến nghị

Năm 2021, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và pháp luật của Nhà nước có liên quan; hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh 2021 ĐHCĐ thường niên 2020 giao.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét nghiêm túc những ý kiến, kiến nghị của BKS và thực hiện các biện pháp hoàn thiện quy trình SXKD, các định mức kinh tế kỹ thuật trong SX, kinh doanh, chế biến bảo quản và hạch toán kế toán.

Trân trọng!

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thế Tý

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giồng cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) kiểm toán xác nhận.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được công bố thông tin theo quy định và đồng thời đăng tải trên trang web của Công ty (www.ssc.com.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021;

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng tài sản	514,4	
2	Doanh thu thuần	310,4	
3	Lợi nhuận trước thuế	65,9	
4	Lợi nhuận sau thuế	54,4	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam kiểm toán xác nhận;

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021: (ĐVT: VND)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	% LNST
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	54,446,773,777	100.0%
2	Phân phối lợi nhuận năm 2021	53,262,643,600	97.8%
a	Trích lập quỹ	12,522,757,969	23.0%
-	Quỹ đầu tư phát triển (15% * LN sau thuế)	8,167,016,067	15.0%
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% * LN sau thuế)	4,355,741,902	8.0%
b	Thù lao HĐQT & BKS (không kiêm nhiệm)	924,530,631	1.7%
c	Cổ tức tiền mặt 30% vốn điều lệ (Đã trừ cổ phiếu quỹ)	39,815,355,000	73.1%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	1,184,130,177	2.2%

2. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

(v/v: báo cáo kết quả chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021
và phương án chi trả thù lao năm 2022)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2021:

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2020, biểu quyết thông qua thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2021 là 2% lợi nhuận sau thuế (LNST) của Báo cáo tài chính 2021;
- Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế tăng hoặc giảm so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo quy định hiện hành.
- Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

BẢNG QUYẾT TOÁN THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2021

(ĐVT: đồng)

TT	Chỉ tiêu thực hiện BCTC hợp nhất	Giá trị quyết toán	Tỷ lệ %	Thù lao
1	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	49,515,526,911	2%	990,310,538
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện	54,446,773,777	2%	1,088,935,476
3	Lợi nhuận tăng so với kế hoạch	4,931,246,866	10.0%	-
4	Thưởng thù lao theo NQ ĐHĐCĐ 2021	-	-	-
-	LNST thực hiện tăng từ 10% đến dưới 20%	98,624,937	2%	98,624,937
5	Số thù lao còn lại được hưởng (1) + (4)	-	-	1,088,935,474
a	<i>Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm</i>	-	-	924,530,631
b	<i>Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm</i>	-	-	164,404,843

✓ **Ghi chú:**

- Tạm ứng thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2021 là: **717.000.000 đồng**
- Số còn lại chưa chi: **1.088.935.474 đồng – 717.000.000 đồng = 371.935.474 đồng**, sẽ thực hiện quyết toán sau khi ĐHĐCĐ thông qua & sẽ trừ thuế TNCN của các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT.

II/ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT & BKS NĂM 2022:

Căn cứ kế hoạch SXKD, doanh thu và LNST năm 2022, với chỉ tiêu LNST là **62,71 tỷ đồng**. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022, dự kiến như sau:

1. Tổng thù lao dự kiến chi trả cho HĐQT & BKS là **2% LNST**, tương ứng theo kế hoạch là **62,71 tỷ đồng x 2% = 1.254 triệu đồng**.
2. Phương thức tạm ứng và quyết toán : Tạm ứng hàng tháng là 70% và quyết toán sau khi ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua.
3. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐẦU TƯ XDCB, MUA SẮM NĂM 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giồng cây trồng miền Nam;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Doanh thu thuần	372.831
2	Lợi nhuận trước thuế	66.011
3	Lợi nhuận sau thuế	52.809
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (10% vốn góp từ VNR)	62.709

2. Kế hoạch cổ tức năm 2022: Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022 là 25% vốn điều lệ (đã trừ cổ phiếu quỹ).

3. Kế hoạch trích lập Quỹ Đầu tư phát triển năm 2022: 15% lợi nhuận sau thuế.

4. Kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022: 8% lợi nhuận sau thuế.

5. Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2022

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2022	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ	600.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	KH 2021 chuyển qua
1	Nội thất văn phòng.	400.000.000		
2	Cây xanh.	200.000.000		
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	13.715.572.190	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/giờ - CN Cờ Đỏ.	10.000.000.000		KH 2021 chuyển qua
2	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ.	1.049.793.300		KH 2021 chuyển qua
3	Chi phí sửa chữa lớn.	2.665.778.890		
III	Chi nhánh Phú Giáo	1.835.400.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động (Nhà ở quy cách 10 phòng kích thước 4m x 4m x 10 = 160 m ²) - Nhà móng BTCT, xây tường gạch ống, mái lợp tole.	560.000.000		
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động chung (kích thước 4m x 6m = 24 m ²).	84.000.000		

3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4 (5m*10m), giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới dung lượng 1400 m ³ , bạt HDPE 0.75mm lót hồ diện tích 1100m ² .	336.000.000		
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha) + Nhà điều hành, giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE.	720.000.000		KH 2021 chuyển qua, có điều chỉnh
5	Hàng rào lưới B40 3mm khổ 1,5 m dài 2258 m.	135.400.000		
IV	Chi nhánh Củ Chi	1.100.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	1.100.000.000		
V	Chi nhánh Miền Trung	1.165.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Chi phí sửa chữa lớn.	400.000.000		
2	Xe ô tô bán tải.	765.000.000		
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700.000.000	Vốn tự có / Vốn vay	
1	Máy Coating hạt giống.	700.000.000		
VII	Trụ sở công ty	3.057.196.000	Vốn tự có/ Vốn vay	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng.	550.000,000		
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS).	950,000,000		
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống FPT SPRO).	792,196,000		
4	Xe ô tô bán tải.	765,000,000		
TỔNG CỘNG		22,173,168,190		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giồng cây trồng miền Nam (SSC).
- Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC, ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết **ủy quyền Ban Kiểm soát** lựa chọn một trong những công ty kiểm toán theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các công ty niêm yết, để **kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2022** như sau:

1. **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

- Địa chỉ : 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

2. **CÔNG TY TNHH ERNST&YOUNG VIỆT NAM**

- Địa chỉ : 28th Floor, Bitexco Financial Tower 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

3. **CÔNG TY TNHH KPMG Việt Nam**

- Địa chỉ: Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Q,1, Tp. Hồ Chí Minh

4. **CÔNG TY TNHH PRICEWATER HOUSECOOPERS VIỆT NAM (PWC)**

- Địa chỉ: Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh, Tầng 4 – Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, quận 1, TP.HCM

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

Số tham chiếu: 61000411/22633533

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		324.658.328.034	294.578.086.022
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	103.851.524.959	91.610.861.476
111	1. Tiền		27.851.103.042	14.263.712.781
112	2. Các khoản tương đương tiền		76.000.421.917	77.347.148.695
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		180.733.701.507	164.729.495.469
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	77.978.340.963	104.030.505.554
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	7.874.262.101	3.246.897.249
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.3	80.000.000.000	55.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5.4	16.325.319.087	3.832.622.532
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.5	(1.444.220.644)	(1.380.529.866)
140	III. Hàng tồn kho	6	39.846.470.438	37.139.365.382
141	1. Hàng tồn kho		45.905.256.251	43.358.820.813
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.058.785.813)	(6.219.455.431)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		226.631.130	1.098.363.695
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	226.631.130	322.247.465
155	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	776.116.230
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		189.773.752.763	187.832.869.903
220	I. Tài sản cố định		70.882.007.011	80.757.105.498
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	24.240.403.035	33.254.913.454
222	Nguyên giá		143.166.736.396	143.078.061.396
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(118.926.333.361)	(109.823.147.942)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	46.641.603.976	47.502.192.044
228	Nguyên giá		54.649.059.344	54.649.059.344
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.007.455.368)	(7.146.867.300)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		12.539.862.018	971.174.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	12.539.862.018	971.174.909
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	99.000.000.000	99.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.349.764.000	3.349.764.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		99.000.000.000	99.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.764.000)	(3.349.764.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		7.351.883.734	7.104.589.496
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.340.706.763	3.268.992.108
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	23.3	4.225.060.741	3.825.597.388
268	3. Tài sản dài hạn khác		786.116.230	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		514.432.080.797	482.410.955.925



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		140.800.866.898	139.821.226.238
310	I. Nợ ngắn hạn		140.800.866.898	139.821.226.238
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	9.041.546.398	15.899.764.724
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	7.018.896.851	1.336.763.480
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.652.253.796	3.233.743.340
314	4. Phải trả người lao động		6.638.464.567	8.069.503.110
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	12.584.480.419	9.876.118.059
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	100.411.391.861	100.901.283.555
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	453.833.006	504.049.970
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		373.631.213.899	342.589.729.687
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	373.631.213.899	342.589.729.687
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(116.847.528.444)	(116.847.528.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		120.509.904.583	114.497.903.461
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		211.524.753.348	186.495.270.258
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		157.077.979.571	147.000.760.338
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		54.446.773.777	39.494.509.920
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		514.432.080.797	482.410.955.925

030
C
C
GIỐNG
MI
V B N


Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	325.973.216.529	468.278.984.811
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(15.531.519.736)	(17.777.335.037)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	310.441.696.793	450.501.649.774
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(201.399.141.118)	(349.109.782.799)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		109.042.555.675	101.391.866.975
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	14.555.046.356	4.656.933.886
22	7. Chi phí tài chính	19	(2.162.912.050)	(128.367.251)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(99.018.113)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(28.305.803.621)	(26.822.733.874)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(30.113.497.823)	(30.089.542.020)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.015.388.537	49.008.157.716
31	11. Thu nhập khác	22	4.145.117.984	3.524.790.454
32	12. Chi phí khác	22	(1.249.400.191)	(1.595.647.840)
40	13. Lợi nhuận khác	22	2.895.717.793	1.929.142.614
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.911.106.330	50.937.300.330
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(11.863.795.906)	(12.100.505.387)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	399.463.353	1.243.282.540
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		54.446.773.777	40.080.077.483
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.774	2.778
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	3.774	2.778

263.
ÔNG
Đ. PH
CÁI
N
-T.P



Ma Hoàng Kim Trang
Người lập



Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.911.106.330	50.937.300.330
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	9.963.773.487	11.661.667.825
03	Hoàn nhập dự phòng		(96.978.840)	(1.902.268.583)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(240.627)	(2.821.120)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18.2	(13.968.265.149)	(3.407.601.996)
06	Chi phí lãi vay	19	-	99.018.113
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		61.809.395.201	57.385.294.569
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		19.174.198.323	(56.141.260.069)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(2.546.435.438)	45.975.098.225
11	Tăng các khoản phải trả		2.990.817.955	16.544.465.375
12	Giảm chi phí trả trước		1.023.901.680	1.462.895.844
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(99.018.113)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(10.416.978.998)	(13.868.174.270)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.748.829.029)	(2.828.717.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		68.286.069.694	48.430.584.361
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(14.910.328.398)	(1.668.972.864)
23	Tiền chi cho vay		(39.000.000.000)	(55.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		14.000.000.000	-
25	Tiền chi góp vốn vào công ty liên kết		-	(8.212.749.240)
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		3.726.170.010	2.867.823.163
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(36.184.158.388)	(62.013.898.941)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	16.050.455.685
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(16.050.455.685)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(19.861.488.450)	(26.525.922.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(19.861.488.450)	(26.525.922.700)

683
C
N
TRON
AM
50A

11
11
11
11
11

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		12.240.422.856	(40.109.237.280)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		91.610.861.476	131.717.277.636
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		240.627	2.821.120
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	103.851.524.959	91.610.861.476




Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2022